UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2888/SGDĐT-VP V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí trường học và giáo dục trong xây dựng nông thôn mới	*Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới: 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; Quyết định số 1491/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 39/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; số 38/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu; số 37/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao; Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục, cụ thể như sau:

1. Đối với bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

a) Tiêu chí 7.2. Giáo dục

- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học Trung học cơ sở (100%);

- Không có học sinh, sinh viên vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật (Đạt);

- Tỷ lệ học sinh 4 tuổi, 5 tuổi đi học mẫu giáo ≥ 95%.

b) Hồ sơ minh chứng:

- Trích xuất các biểu của thôn xóm từ Hệ thống phổ cập giáo dục - xoá mù chữ trực tuyến (pcgd.moet.gov.vn) có xác nhận của UBND xã:

+ Biểu 1. Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi;

+ Biểu 2. Thống kê trẻ em 6 đến 14 tuổi;

+ Biểu 3. Thống kê thanh thiếu niên phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Xác nhận của Công an xã và UBND xã về việc không có học sinh, sinh viên vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

2. Đối với bộ tiêu chí xã nông thôn mới

2.1. Tiêu chí 5 - Trường học

a) Nội dung tiêu chí và hướng dẫn

Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định:

- Các xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (Đạt)

- Các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (Đạt)

Việc xác định tỷ lệ trường học (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường công lập (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) trên tổng số trường công lập (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS). Các mức độ tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, mức độ 1 theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về việc Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư 13);

b) Hồ sơ minh chứng

- Quyết định công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, Quyết định công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của các trường công lập mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS đang còn hiệu lực;

- Các biên bản, thông báo (nếu có) của phòng GDĐT, Sở GDĐT về việc rà soát cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS trên địa bàn.

- Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của từng nhà trường đối với tất cả các nội dung của tiêu chuẩn theo cấp học, có xác nhận của phòng GD&ĐT cấp huyện;

2.2. Tiêu chí 14 - Giáo dục và đào tạo

a) Nội dung tiêu chí và hướng dẫn

- Chỉ tiêu 14.1: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 tối thiểu 98%; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại khá trở lên (Đạt)

- Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) ≥85%.

Xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đạt chuẩn phổ cập đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định tại các văn bản: Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (Nghị định 20); Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT về việc Quy định điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (Thông tư 07);

- Đạt tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 theo quy định. Tỷ lệ được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trẻ 6 tuổi vào lớp 1 và số trẻ phải phổ cập tại thời điểm thống kê.

- Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại theo quy định tại Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 quy định đánh giá xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã (Thông tư 44); Công văn số 2533/BGDĐT ngày 18/4/2013 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá trung tâm học tập công đồng (Công văn số 2533).

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) ≥ 85%. Tỷ lệ được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp THCS hàng năm.

b) Hồ sơ minh chứng

- Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND cấp huyện (năm đề xuất công nhận và 2 năm trước liền kề với năm đề xuất công nhận);

- Quyết định công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã của UBND cấp huyện (năm đề xuất công nhận hoặc năm liền kề trước năm đề xuất công nhận (nếu chưa đến kỳ đánh giá công nhận);

- Các biểu mẫu thống kê phổ cập, xoá mù chữ cấp xã được trích xuất từ hệ thống phổ cập giáo dục- xoá mù chữ trực tuyến (pcgd.moet.gov.vn) có xác nhận của UBND xã (năm đề xuất công nhận và 2 năm trước liền kề với năm đề xuất công nhận);

- Danh sách học sinh, học viên đang học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) có xác nhận của trường, trung tâm học sinh đang theo học (năm đề xuất công nhận và 2 năm trước liền kề với năm đề xuất công nhận), UBND cấp xã xác nhận danh sách đối với học sinh, học viên học ở ngoài huyện.

3. **Đối với bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Tiêu chí 5 - Giáo dục

a) Nội dung tiêu chí và hướng dẫn

- Chỉ tiêu 5.1: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (100%) và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Chỉ tiêu 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3

- Chỉ tiêu 5.4: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

- Chỉ tiêu 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá

- Chỉ tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền phù hợp với thực tiễn địa phương và lứa tuổi (Bơi lội, điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, võ thuật, cầu lông, aerobic,…).

Xã đạt tiêu chí Giáo dục khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tỷ lệ trường học công lập các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (100%) và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tại Thông tư 13;

- Đạt chuẩn phổ cập đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3 và chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2 theo quy định tại Nghị định 20 và Thông tư 07;

- Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại theo quy định tại Thông tư số 44; Công văn số 2533.

- Có ít nhất 01 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền phù hợp với thực tiễn địa phương và lứa tuổi (Bơi lội, điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, võ thuật, cầu lông, aerobic,…).

b) Hồ sơ minh chứng

- Quyết định công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, Quyết định công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của các trường công lập mầm

non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS đang còn hiệu lực;

- Các biên bản, thông báo (nếu có) của phòng GDĐT, Sở GDĐT về việc rà soát cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS trên địa bàn.

- Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của từng nhà trường đối với tất cả các nội dung của tiêu chuẩn theo cấp học, có xác nhận của phòng GD&ĐT cấp huyện;

- Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND cấp huyện (năm đề xuất công nhận và 2 năm trước liền kề với năm đề xuất công nhận);

- Các biểu mẫu thống kê phổ cập, xoá mù chữ cấp xã được trích xuất từ hệ thống phổ cập giáo dục- xoá mù chữ trực tuyến (pcgd.moet.gov.vn) có xác nhận của UBND xã (năm đề xuất công nhận và 2 năm trước liền kề với năm đề xuất công nhận);

- Quyết định công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã của UBND cấp huyện (năm đề xuất công nhận hoặc năm liền kề trước năm đề xuất công nhận (nếu chưa đến kỳ đánh giá công nhận);

- Đã được UBND xã xây dựng hoặc phê duyệt ít nhất 01 mô hình giáo dục thể chất (theo hướng xã hội hoá) cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền phù hợp với thực tiễn địa phương và lứa tuổi (bơi lội, điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, võ thuật, cầu lông, aerobic,…).

4. Đối với bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu

Lĩnh vực nổi trội 3 - Giáo dục

a) Nội dung tiêu chí và hướng dẫn

- 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và có ít nhất 50% số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2;

- Có ít nhất 95% trẻ mẫu giáo, 35% trẻ nhà trẻ (18-36 tháng) được đi học;

- Có ít nhất 01 trường học (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn trường học hạnh phúc;

- Phong trào xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2022-2025 có ít nhất 70% thôn, bản/tổ dân phố được công nhận "Cộng đồng học tập" và 85% cơ quan, đơn vị được công nhận "Đơn vị học tập".

Xã đạt lĩnh vực nổi trội về Giáo dục khi đáp ứng các yêu cầu:

- 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và có ít nhất 50% số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quy định tại các Thông tư của Bộ GDĐT: số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về việc Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về việc Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư 18). Tỷ lệ trường đạt chuẩn mức các mức độ được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường đạt chuẩn các mức độ trên tổng số trường (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) công lập của xã.

- Đạt tỷ lệ ít nhất 95% trẻ mẫu giáo, 35% trẻ nhà trẻ (18-36 tháng) được đi học. Tỷ lệ được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trẻ đi học và số trẻ thuộc diện phải điều tra phổ cập tại thời điểm thống kê.

- Có ít nhất 01 trường học (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn trường học hạnh phúc theo Quyết định số 1169/QĐ-SGDĐT ngày 17/10/2022 của Sở GDĐT về việc Ban hành Bộ tiêu chí tạm thời về Trường học hạnh phúc trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Đạt tỷ lệ phong trào xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2022-2025: ít nhất 70% thôn, bản/tổ dân phố được công nhận "Cộng đồng học tập"; 85% cơ quan, đơn vị được công nhận "Đơn vị học tập" theo Quyết định 242/QĐ-KHVN ngày 22/7/2022 của Hội Khuyến học Việt Nam về ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập", "Đơn vị học tập" giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 của Hội Khuyến học Việt Nam về ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu "Công dân học tập" giai đoạn 2021-2030.

b) Hồ sơ minh chứng

- Quyết định công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, Quyết định công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của các trường công lập mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS đang còn hiệu lực.

- Biểu 1. Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi của xã được trích xuất từ hệ thống phổ cập giáo dục - xoá mù chữ trực tuyến (pcgd.moet.gov.vn) có xác nhận của UBND xã: Danh sách trẻ của xã thuộc đối tượng điều tra phổ cập đang học tại các trường/nhóm trẻ độc lập tư thục có xác nhận của trường/nhóm trẻ độc lập tư thục có trẻ đang học.

- Có ít nhất 01 trường học (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn trường học hạnh phúc theo Quyết định số 1169/QĐ-SGDĐT ngày 17/10/2022 của Sở GDĐT về việc ban hành Bộ tiêu chí tạm thời về Trường học hạnh phúc trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được trường tự đánh giá và có xác nhận của phòng GDĐT.

- Quyết định công nhận "Cộng đồng học tập"; Quyết định công nhận "Đơn vị học tập" của các cơ quan/đơn vị đóng trên trên địa bàn xã.

5. Đối với bộ tiêu chí huyện nông thôn mới

Tiêu chí 5: Tiêu chí Y tế - Văn hoá - Giáo dục

a) Nội dung tiêu chí và hướng dẫn

- Chỉ tiêu 5.3: Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên (≥ 60%);

- *Chỉ tiêu 5.4:* Trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên (nếu có) đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1).

Huyện đạt tiêu chí Giáo dục khi đáp ứng:

- Trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên theo quy định tại Thông tư 18. Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường công lập đạt chuẩn quốc gia trên tông số trường THPT công lập của huyện.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (nếu có) đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1). Việc đánh giá kiểm định thực hiện theo Thông tư 42/2012-TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (Thông tư 42); Công văn số 5647/BGDĐT-QLCL ngày 27/10/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Công văn 5647).

b) Hồ sơ minh chứng

- Quyết định công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia của các trường THPT trên địa bàn huyện đang còn hiệu lực;

- Quyết định công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đang còn hiệu lực (đối với huyện có trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên).

6. Đối với bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

Tiêu chí 5: Tiêu chí Y tế - Văn hoá - Giáo dục

a) Nội dung tiêu chí và hướng dẫn

- Chỉ tiêu 5.3: có 100% trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- *Chỉ tiêu 5.4:* Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (nếu có) đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 2).

Huyện đạt tiêu chí Giáo dục khi đáp ứng các yêu cầu:

- Trường THPT (công lập) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, mức độ 2 theo quy định tại Thông tư 18.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (nếu có) đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 2). Việc đánh giá kiểm định thực hiện theo Thông tư 42; Công văn số 5647.

b) Hồ sơ minh chứng

- Quyết định công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia của các trường THPT trên địa bàn huyện đang còn hiệu lực;

- Quyết định công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đang còn hiệu lực (đối với huyện có trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ về Sở GDĐT qua ông Cao Ngọc Châu, Chánh Văn phòng, SĐT: 0919848568 để được hướng dẫn.

(Sở GDĐT gửi kèm các văn bản liên quan)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- Hội Cựu Giáo chức tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- CĐGD Hà Tĩnh;
- Các phòng GDĐT huyện, TX, TP;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các đơn vị thực hiện chương trình GDTX cấp THPT;
- Các phòng và tương đương thuộc Sở;
- Cổng TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Hồng Cường